

TỪ “MÀ” VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT PHƯƠNG TIỆN BIỂU HIỆN SỰ ĐÁNH GIÁ BẤT THƯỜNG TRONG CÂU TIẾNG VIỆT

Nhận bài:

29 – 09 – 2015

Chấp nhận đăng:

30 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Thị Thúy Nga

Tóm tắt: Từ “mà” biểu hiện sự đánh giá bất thường, chỉ có thể đi với những nội dung mệnh đề mà tính chân thực của nó là một sự khẳng định sự tình đã và đang xảy ra, tồn tại thực là bất thường, trái ngược hoặc người nói có đầy đủ bằng chứng, cơ sở chính xác để khẳng định sự tình đó là không bình thường, vô lí, trái với quy luật đời thường, quy luật tự nhiên, hoặc xảy ra ngoài suy nghĩ, dự đoán, chờ đợi của người nói. Bên cạnh biểu hiện sự đánh giá bất thường, từ “mà” còn chịu sự chi phối sâu sắc của những nhân tố ngữ dụng. Ý nghĩa của nó gắn chặt với nội dung mệnh đề mà nó đi kèm, đem đến cho mệnh đề sắc thái đánh giá bất thường. Chức năng quan trọng của từ “mà” là biểu thị thái độ ngạc nhiên, thể hiện đánh giá của người nói đối với nội dung phát ngôn (câu) là bất thường, đáng lạ. Bài viết này đề cập đến ý nghĩa bất thường của từ “mà” trong câu tiếng Việt.

Từ khóa: từ “mà”; phương tiện biểu hiện; đánh giá bất thường; câu tiếng Việt; tiếng Việt

1. Đặt vấn đề

Theo từ điển của Hoàng Phê, từ “mà” có các nghĩa sau:

- Từ “mà” dùng trước động từ hoặc tính từ hoặc cấu trúc chủ ngữ

Ví dụ: *Nó mà thi đỗ. Tốt mà rẻ. Tìm việc mà làm. Thấy mà thương. Tôi mà ở địa vị anh, tôi không để thế.*

- Từ mà được dùng cuối câu trong lối nói lửng, biểu thị ý khẳng định, thuyết phục hoặc giải thích, với một hàm ý đề cho người đối thoại tự suy ra. Ví dụ: *Rét quá đấy mà. Tôi đấy mà* [8, tr.583].

Theo quan sát ngữ liệu, chúng tôi thấy từ “mà” cũng có hai nghĩa khác nhau. “Mà” đứng ở vị trí cuối câu đóng vai trò một tiểu từ tình thái không mang sắc thái đánh giá bất thường. Tuy nhiên, “mà” (P mà) vẫn có thể biểu đạt một sự đánh giá, nhưng sự tình được đề cập đến trong câu là tất nhiên, dễ hiểu, chẳng có gì đáng ngạc nhiên, mới mẻ, phải thắc mắc.

Ví dụ: *Tôi đã bảo mà!* [8, tr.583].

Từ mà với tư cách là một tác từ biểu hiện sự đánh giá bất thường.

Ví dụ: *Trời rét mà mồ hôi chảy ròng ròng* [13].

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến từ “mà” với ý nghĩa đánh giá bất thường.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Vai trò của từ “mà” biểu hiện sự đánh giá bất thường trong câu tiếng Việt

Từ “mà” là phương tiện biểu hiện sự đánh giá bất thường trong câu tiếng Việt có vai trò quan trọng. Tác dụng của nó là làm phương tiện hỗ trợ, tác động vào nội dung mệnh đề, vào ý nghĩa chính thể của câu, đưa vào câu những kiểu đánh giá khác nhau, gắn câu với hoàn cảnh giao tiếp hiện thực, tạo nên tính sinh động, uyển chuyển và chính xác cho câu nói.

Trong phát ngôn, vị trí cũng như cương vị ngữ pháp của từ “mà” không giống nhau. Nhưng về đặc trưng ngữ nghĩa, chúng đều biểu thị sự đánh giá bất thường và thể hiện sự đánh giá bất thường ấy ở những mức độ cao - thấp, đậm - nhạt khác nhau.

* Liên hệ tác giả

Nguyễn Thị Thúy Nga

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: Thuyngadn75@gmail.com

Do có hiện tượng trên nên trong quá trình nghiên cứu từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường, nhiều khi chúng tôi phải đặt nó vào trong ngữ cảnh cụ thể, dựa vào phát ngôn trước và sau để xem xét đặc điểm - chức năng của nó, xem xét nó gắn với nội dung mệnh đề để phân biệt nó với các phương tiện có cùng hình thức biểu đạt. Nhưng những phân tích của chúng tôi trong bài viết này không phải nhằm liệt kê một cách đầy đủ tất cả các chức năng giao tiếp từ “*mà*” được sử dụng trong thực tế. Điều chúng tôi quan tâm đến ở đây là: trên cơ sở những đặc trưng nội tại của các câu thu được, chúng tôi có thể chỉ ra từ “*mà*” với tư cách là phương tiện biểu hiện sự đánh giá bất thường và ý nghĩa của nó trong tổng thể ý nghĩa của câu.

Quan sát những câu sau đây, từ “*mà*” nhìn bề ngoài (hình thức cú pháp) chỉ là một câu đơn nhưng có thể phân tích làm hai mệnh đề.

- Anh *mà* không biết à? [13]

Ta thấy hình thức của phát ngôn này là một câu đơn nhưng có thể phân tích làm hai mệnh đề liên đới như sau:

- Mệnh đề A “Anh với phẩm chất như thế” là sự tình cơ sở.

- Mệnh đề B “*Mà* (anh) không biết à?” là sự tình được đánh giá bất thường.

Trong phát ngôn này, người nói đánh giá về sự tình “*mà*” (anh) không biết à? xem đó là sự tình bất thường, đáng lạ, khó hiểu khi người nói đã có một sự hiểu biết nào đó về anh ta. Chẳng hạn, anh ta là một người thông minh luôn đoán biết được mọi việc (cơ sở nhận thức “Anh có phẩm chất như thế”), ấy thế mà trong trường hợp này anh lại không biết. Hiện tượng “anh không biết” xảy ra ngoài suy nghĩ của tôi, làm tôi ngạc nhiên về anh.

- Rù rì như thế này *mà* ở tận đêm cơ à? [10]

Có thể phân tích như sau:

- Mệnh đề A “(Nó) rù rì như thế này” là sự tình cơ sở.

- Mệnh đề B “(Nó) ở tới tận đêm cơ à?” là sự tình được đánh giá bất thường.

Người nói thể hiện thái độ ngạc nhiên trước một thực tế là nó rù rì như thế mà cũng ở được tới tận đêm. Theo đánh giá của người nói, sự việc “ở tới tận đêm” là bất thường so với cơ sở nhận thức (về trước) “rù rì như thế này

Từ những phân tích ở trên, chúng tôi thấy, từ “*mà*” đánh giá sự liên kết có tính nhân - quả của sự tình trong câu, một sự tình đóng vai trò cơ sở (nguyên nhân) và một sự tình là tâm điểm đánh giá (sự tình hệ quả). Qua đó, người nói bộc lộ sự đánh giá bất thường của mình đối với tính thực hữu của sự tình đứng sau.

2.2. Nghĩa của từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường

Từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường với nghĩa là biểu thị sự việc trái ngược với quy luật tự nhiên, quy luật đời thường hoặc biểu thị những điều nêu trong phát ngôn (câu) là không phù hợp, có gì đó vô lí, không thể tin được (nhưng đó lại là những sự việc tồn tại thật). Thường có công thức “A *mà* B”. Sự kiện A là cơ sở, sự kiện B là sự kiện được đánh giá bất thường. *Mà* biểu hiện sự đánh giá bất thường có chức năng là liên từ, liên kết sự kiện đi trước (A) với sự kiện đi sau (B) trong cùng một phát ngôn (câu), theo đó hai sự kiện trong phát ngôn (câu) tồn tại song song trái ngược nhau. Do đó, trong phát ngôn (câu) không thể lược bỏ “*mà*” vì chính “*mà*” mang đến cho phát ngôn (câu) sắc thái đánh giá bất thường. Nếu lược bỏ “*mà*”, phát ngôn (câu) không còn mang sắc thái đánh giá bất thường, nó sẽ trở thành câu trần thuật, miêu tả, mang tính chất trung hoà.

Ví dụ:

Chị cười *mà* nước mắt ứa ra [13]. (1)

Trong phát ngôn này tồn tại song song hai sự kiện trái ngược nhau: “chị cười” và “nước mắt ứa ra”. Hiện tượng “chị cười”, nước mắt ứa ra” trong thực tế khách quan đã xảy ra và người nói đã được chứng kiến, nhìn thấy tận mắt và thấy hiện tượng này là khác thường, đáng lạ. Vì theo lẽ thường, cười không thể có nước mắt được, ấy thế nhưng ở đây “chị cười”, “nước mắt ứa ra” là điều bất thường, đáng lạ, trái với quy luật đời thường, làm người nói ngạc nhiên. Cái ý nghĩa đánh giá về tính bất thường trong phát ngôn (câu) này là do “*mà*” mang lại.

So sánh ví dụ (1) và (2):

- Chị cười (...) nước mắt ứa ra. (-) (phát ngôn không mang sắc thái đánh giá bất thường). (1)

Đi vào chi tiết, trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, những phát ngôn cụ thể “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường, liên kết sự kiện A trái ngược với sự kiện B, chúng tôi thấy vẫn có sự khác nhau. Cụ thể như sau:

- Từ “*mà*” liên kết sự kiện đi trước với sự kiện đi sau trong phát ngôn (câu). Người nói đánh giá hai sự kiện song song tồn tại trái ngược nhau theo nhận thức khách quan. Quan sát các ví dụ sau:

- Người Tâm lạnh toát *mà* mồ hôi vẫn chảy ròng ròng [13].

- Nước mắt của cô không mặn *mà* ngọt ngào [16].

- Ngoài trời tuyết rơi *mà* tôi toát hết cả mồ hôi [13].

- Từ “*mà*” liên kết sự kiện đi trước với sự kiện đi sau, sự kiện đi sau xảy ra trái ngược, nằm ngoài dự đoán, chờ đợi của người nói, gắn với hàm ý chê trách không bằng lòng. Nói cách khác, căn cứ vào sự kiện (A) người nói nghĩ rằng sự kiện (B) sẽ không xảy ra nhưng trong thực tế nó đã xảy ra trái ngược với sự kiện A khiến người ta ngạc nhiên, thấy có gì đó khác thường, đáng lạ.

Ví dụ:

- Anh ấy lớn tuổi rồi *mà* quấy không chịu được [16].

Trong phát ngôn này, người nói đánh giá hiện tượng quấy không chịu được của anh ấy là bất thường, là đáng lạ, là căn cứ vào hiện tượng anh ấy lớn tuổi vì thông thường (quy luật đời thường) khi đã lớn tuổi thì không có chuyện quấy như trẻ con nữa. Cái hành động quấy của anh ta khi anh ta đã lớn là nằm ngoài dự đoán, sự chờ đợi của người nói gắn với hàm ý chê trách, không bằng lòng cái hành động của anh ta.

Quan sát thêm một số ví dụ khác:

- Tôi vừa đánh vừa chửi *mà* nó vẫn cười sằng sặc đầy hơi rượu [14].

- Bao cô gái hơ hơ ra, của hồi môn cũng nhiều và sự khôn ngoan cũng lắm *mà* ế chồng [11].

- Xi, anh trẻ *mà* lạc hậu hơn ông già [16].

Từ “*mà*” liên kết hai sự kiện song song tồn tại trái ngược nhau nhưng trong cấu trúc so sánh “*mà... như...*”. Đối với trường hợp này, người nói căn cứ, dựa trên một thang độ nào đó, nói đúng hơn là người nói lấy một thang độ nào đó làm chuẩn để so sánh, đánh giá, nhận xét về hai sự kiện xảy ra song song tồn tại trong phát ngôn (câu) là bất thường, đáng lạ, trái với quy luật tự nhiên, nằm ngoài dự đoán, sự chờ đợi của người nói gắn với hàm ý chê trách không bằng lòng.

Ví dụ:

- Nhà người già *mà* nói năng *như* trẻ con [14].

- Trưa *mà* trời tối *như* sáu giờ chiều [10].

Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, chúng tôi thấy cũng có những trường hợp liên từ “*mà*” liên kết các sự kiện trong phát ngôn nhưng không mang sắc thái đánh giá bất thường. Như đã nói ở trên, liên từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường khi nó nối kết hai sự kiện song song tồn tại trái ngược nhau. Còn nếu liên từ “*mà*” nối kết các sự kiện trong phát ngôn (câu) nhưng các sự kiện đó không trái ngược nhau thì “*mà*” không mang sắc thái đánh giá bất thường.

Quan sát các ví dụ sau:

- Nhờ có sự giúp đỡ *mà* chóng xong [8, tr.583].

- Đùng ngờ *mà* oan cho nó [8, tr.583].

2.3. Từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường kết hợp với các từ tình thái khác

Từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường còn kết hợp với các từ tình thái khác như: *mà + lại*, *mà + cũng*, *mà + còn*, *mà + sao* thành *mà lại*, *mà sao*, *mà cũng*, *mà còn*. Khi kết hợp với các từ tình thái này, sự tình xảy ra trong phát ngôn được xem là bất thường và được người nói khẳng định, nhấn mạnh hơn. Bởi vì, bản thân các từ tình thái *lại*, *còn*, *cũng*, *sao* cũng là phương tiện đánh dấu sự đánh giá bất thường.

“*mà lại*” “*mà sao*”, “*mà cũng*”, “*mà còn*” biểu hiện sự đánh giá bất thường có ý nghĩa là nối giữa hai thành phần *mà* sự song song tồn tại của chúng trái ngược nhau. Theo nhận thức đánh giá chủ quan của người nói là trái với quy luật tự nhiên, quy luật đời thường, có gì đó vô lí. Thường có công thức “*A mà lại B*”, “*A mà cũng B*”, “*A mà còn*”, “*A mà sao B*”. Hoặc khi người nói phản ứng lại câu nói có trước của người khác thì câu nói mang sự đánh giá: điều anh nói ra thật trái ngược, bất thường, không chân thực, không thể tin được, không thể chấp nhận được, từ đó hình thành sự bác bỏ.

Xét một số ví dụ sau:

- Ông Hàm Bào, mắt vẫn nhìn chăm chú *mà lại* không thấy gì? [12, tr.60]

So sánh *mà lại* trong phát ngôn sau:

- Đã bảo không đói *mà lại* [8, tr.583].

“*mà lại*” trong phát ngôn này không mang sắc thái đánh giá mà chỉ mang sắc thái giải thích nguyên nhân. Trong trường hợp này, ta có cấu trúc *A mà lại* là một

hành vi giải thích cho một điều nào đấy, câu không mang sắc thái đánh giá bất thường.

- Chị nghiện bánh đúc *mà cũng* nổi tiếng khắp đầu làng đến cuối xã đấy thôi [13]. (“Chị nghiện bánh đúc” đáng lẽ ra không thể nổi tiếng được. Ấy thế nhưng ngoài dự đoán, chủ quan của người nói, chị đã nổi tiếng khắp đầu làng đến cuối xã. Sự tồn tại song song đồng thời hai sự kiện “chị nghiện bánh đúc” và “nổi tiếng khắp đầu làng đến cuối xã đấy thôi” là điều làm tôi ngạc nhiên, bất thường, đáng lạ).

- Thời này *mà* còn giải chiếu điều cơ à? [13]

(= Thời này không còn ai giải chiếu điều nữa, giải chiếu điều vào thời này là xưa, lạc hậu. Theo đánh giá chủ quan của người nói việc giải chiếu điều đáng ra phải thôi từ lâu rồi, ấy thế mà thời nay vẫn tiếp tục giải chiếu điều thì không phù hợp chút nào, thấy có gì đó khác thường).

- Tôi có khóc đâu *mà sao* môi tôi mặn chát thế? [15, tr.215] (= đáng lẽ tôi khóc môi tôi mới có thể mặn chát được ấy thế nhưng ở đây tôi không khóc mà môi tôi vẫn mặn chát thật là bất thường, khác lạ, làm tôi ngạc nhiên không hiểu tại sao lại như vậy).

2.4. Từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường, chịu sự chi phối sâu sắc của yếu tố ngữ dụng học

Từ “*mà*” ngoài biểu hiện sự đánh giá bất thường, còn chịu sự chi phối sâu sắc của yếu tố ngữ dụng học, tức là nghĩa của từ “*mà*” không phải là cái gì nằm sẵn trong nó (từ “*mà*”), nó cũng không được tạo ra chỉ bởi riêng người nói hoặc riêng người nghe. Từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường là một quá trình động, bao gồm cả cuộc thương lượng về ngữ nghĩa giữa người nói và người nghe, ngữ cảnh phát ngôn. Vì vậy, khi phân tích nghĩa của từ “*mà*” có biểu hiện sự đánh giá bất thường hay không, không phải chỉ đặt nó vào phát ngôn (xem xét các mệnh đề trong phát ngôn) mà còn đặt cả phát ngôn đó vào tình huống khi nó phát ra. Bởi ý nghĩa đánh giá bất thường luôn gắn với phát ngôn, với hoàn cảnh giao tiếp, cho nên khi xem xét nghĩa của từ “*mà*” phải đặt nó vào trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể và chỉ trong những hoàn cảnh giao tiếp, trong phát ngôn cụ thể, từ “*mà*” mới bộc lộ đầy đủ chức năng ngữ nghĩa của mình. Xét ví dụ:

- Nó làm thầy giáo.

- Nó “*mà*” làm thầy giáo à? [15] (người nói phản ứng lại một phát ngôn trước đó “nó làm thầy giáo”. Bởi

vì, chẳng hạn người nói (tôi) đã có những hiểu biết về nó như nó là một đứa trộm cắp, lại chưa học hết phổ thông và đến nay nó vẫn còn tồn tại tính đó và không tiếp tục học nữa... thì làm sao có thể trở thành thầy giáo được mà anh nói là “nó làm thầy giáo”. Điều anh nói nó làm thầy giáo không thể tin được, làm tôi ngạc nhiên, muốn hỏi lại để khẳng định rõ thêm về thông tin mà anh vừa nói).

Những kết quả phân tích ở trên cho thấy, từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường được dùng linh hoạt trong lời nói, song không phải hoàn toàn tự do. Tức là, nó chỉ có thể đi với những nội dung mệnh đề mà tính chân thực của nó là một sự khẳng định sự tình đã và đang xảy ra, tồn tại thực là bất thường, trái ngược hoặc người nói có đầy đủ bằng chứng, cơ sở chính xác để khẳng định sự tình đó là không bình thường, vô lí, trái với quy luật đời thường, quy luật tự nhiên, hoặc xảy ra ngoài suy nghĩ, dự đoán, chờ đợi của người nói. Từ “*mà*” không thể đi với các câu mà nội dung mệnh đề (P) là một chân lí hiển nhiên, một lẽ phải thông thường, không cần bàn cãi.

3. Kết luận

Từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường chủ yếu được sử dụng trong kiểu hoàn cảnh giao tiếp mà người nói đã có những cơ sở, căn cứ, nhận thức được sự tình đã xảy ra trên thực tế khách quan là có thật nhưng sự việc, hiện tượng xảy ra đó theo nhận thức chủ quan của người nói là trái với quy luật tự nhiên, trái với quy luật đời thường làm ta ngạc nhiên, thấy có gì đó vô lí, khó tin, ngoài chờ đợi, dự đoán... Hay nói cách khác, từ “*mà*” không bao giờ xuất hiện trong những trường hợp mà người nói không có một chút cơ sở, bằng chứng, căn cứ nào để đưa ra đánh giá về sự kiện, hiện tượng đó.

Từ “*mà*” biểu hiện sự đánh giá bất thường chịu sự chi phối sâu sắc của những nhân tố ngữ dụng, ý nghĩa của nó gắn chặt với nội dung mệnh đề mà nó đi kèm, đem đến cho mệnh đề sắc thái đánh giá bất thường. Hay nói cách khác, nghĩa của từ “*mà*” gắn với thái độ chủ quan, gắn với cách đánh giá của chủ thể phát ngôn. Ý nghĩa đánh giá bất thường luôn gắn với phát ngôn, cho nên điều quan trọng đầu tiên là phải đặt từ “*mà*” vào trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể và chỉ trong những hoàn cảnh giao tiếp, trong phát ngôn cụ thể, từ “*mà*” mới bộc lộ đầy đủ chức năng ngữ nghĩa của mình. Chức năng quan trọng của nó là biểu thị thái độ ngạc

nhiên, thể hiện đánh giá của người nói đối với nội dung phát ngôn (câu) là bất thường, đáng lạ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Hữu Châu - Bùi Minh Toán (1993), Đại cương ngôn ngữ học, tập 2, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Đức Dân (2000), Ngữ dụng học, tập 1, NXB Giáo dục TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Đức Dân (1987), Logic - ngữ nghĩa - cú pháp, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- [4] Cao Xuân Hạo (2001), Tiếng Việt, mấy vấn đề ngữ âm - ngữ pháp - ngữ nghĩa, NXB Giáo dục TP Hồ Chí Minh.
- [5] Nguyễn Anh Quế (1988), Hư từ trong tiếng Việt hiện đại, NXB Khoa học, Hà Nội.
- [6] Hoàng Phê (1984), Toán tử logic - tình thái, Tạp chí Ngôn ngữ số 4.
- [7] Hoàng Phê (1981), Ngữ nghĩa của lời, Tạp chí Ngôn ngữ số 3+4.
- [8] Hoàng Phê (1994), Từ điển tiếng Việt, NXB Khoa học xã hội, Trung tâm Từ điển học Hà Nội.
- [9] Hoàng Tuệ (1998), Khái niệm tình thái, Tạp chí Ngôn ngữ số phụ 1.
- [10] Phan Thị Vàng Anh (1995), Tập truyện ngắn "Khi người ta trẻ"; "Hội chợ", NXB Hà Nội.
- [11] Nguyễn Thị Thu Huệ (1994), Phù thủy - Tập truyện ngắn, NXB Văn học.
- [12] Nguyễn Khắc Trường (1990), Mảnh đất lắm người nhiều ma, NXB Hội Nhà văn.
- [13] Nhiều tác giả (1997), Truyện ngắn trẻ chọn lọc.
- [14] Nhiều tác giả (2000), Truyện ngắn Hà Nội chọn lọc - tập 5, 6, NXB Hà Nội.
- [15] Nhiều tác giả (1999), Truyện ngắn trẻ chọn lọc NXB Hội Nhà văn.
- [16] Truyện ngắn chọn lọc 14 tác giả nữ, NXB Hà Nội, 1997.

THE WORD "MÀ" AS A MEANS OF EXPRESSING UNUSUAL EVALUATION IN VIETNAMESE SENTENCES

Abstract: The word "mà" that expresses unusual evaluation can only be used with some propositional content whose authenticity is an affirmation of a state of affair that has been in progress, either when it is something uncommon, contradictory or when speakers have enough evidence and grounds to prove that it is unusual, unreasonable, irregular, contrary to natural laws or occurs out of the speakers' thoughts, predictions and expectations. Besides, the word "mà" that expresses unusual evaluation is deeply governed by pragmatic factors. Its meaning is tied to the proposition content involving itself, resulting in an unusual nuance of meaning. An important function of the word "mà" is to indicate surprise attitude, wherein speakers find the content of some utterance (or sentence) strange and unusual. This paper presents the unusual meaning of the word "mà" in Vietnamese sentences.

Key words: the word "mà"; means of expression; unusual evaluation; Vietnamese sentences; Vietnamese language